

## Thay đổi cơ cấu hàng hoá

Cho đến năm 1992, xuất khẩu của Việt Nam vẫn dựa chủ yếu vào xuất khẩu dầu thô[1], nhưng tỷ lệ của nó trong năm 2001 đã giảm xuống chỉ còn 20%, và giá trị xuất khẩu sản phẩm không phải dầu mỏ đã vượt quá 11 tỷ USD. Điều này có được là nhờ sự tăng trưởng nhanh chóng cả về số lượng và giá trị của xuất khẩu hàng nông sản, đặc biệt là gạo, cà phê, cao su, điều và các sản phẩm khác.

### Hộp 1. Các loại hình cơ hội xuất khẩu

Kinh nghiệm của các nhà xuất khẩu trên thế giới, bao gồm cả các nước Đông á cho thấy 4 loại hình xuất khẩu dựa trên sự khác nhau về hàm lượng nhân tố:

- (1) Ngành chế biến dựa trên nguồn tài nguyên
- (2) Hàng tiêu dùng công nghệ thấp sử dụng nhiều lao động
- (3) Cấu kiện của các hàng chế tạo sử dụng nhiều lao động và công nghệ thấp
- (4) Các sản phẩm chế tạo khác biệt sử dụng nhiều vốn và công nghệ cao

Với nguồn tài nguyên phong phú và chặng đường phát triển của mình, các cơ hội để mở rộng xuất khẩu ở Việt nam có thể thấy ở ba dạng sản phẩm đầu. Xuất khẩu những sản phẩm khác biệt sử dụng nhiều vốn và công nghệ cao (loại 4) thường thấy chủ yếu ở các nền kinh tế có thị trường phát triển hay từ các nước công nghiệp mới (NICs), do chi phí lao động ít quan trọng hơn so với sự sẵn có của các nhà điều hành chất lượng cao cùng với đội ngũ lao động có kỹ năng và vốn.

Với loại sản phẩm thứ nhất, tiềm năng để mở rộng xuất khẩu phụ thuộc chủ yếu vào sự sẵn có về tài nguyên thiên nhiên, và vào việc thu hút đủ vốn để gia công, chế biến chúng (ví dụ: ngành công nghiệp khai khoáng và hoá chất). Với nguồn nguyên liệu nông nghiệp phong phú, ngành chế biến thực phẩm hứa hẹn rất nhiều triển vọng cho Việt Nam.

Ngày nay, tiềm năng xuất khẩu của những ngành công nghiệp nhẹ thâm dụng lao động với công nghệ thấp (loại thứ 2) và ngành chế tạo linh kiện, thâm dụng lao động với công nghệ trung bình đã được nhận thức đầy đủ. Khả năng tăng trưởng của những ngành công nghiệp hiện đại do việc chia cắt chuỗi giá trị của những sản phẩm vốn theo truyền thống vẫn được xem là đòi hỏi kỹ năng, vốn, hay thâm dụng công nghệ và chuyển những phần thâm dụng lao động sang những địa điểm có chi phí nhân công thấp như Việt Nam đã tạo ra sự bùng nổ trong thương mại vùng Đông á. Hàng điện tử, bán dẫn, máy tính, thiết bị điện, phụ tùng ô tô, sản phẩm quang học đều phụ thuộc vào xu hướng này. Bằng chứng của xu hướng này là từ giữa những năm 1980, xuất khẩu linh kiện, phụ tùng từ các nước khu vực Đông á đã tăng trưởng nhanh hơn bất cứ nhóm sản phẩm chủ yếu nào.

Tỷ lệ sản phẩm chế tạo trong tổng giá trị xuất khẩu đã bắt đầu tăng lên từ giữa những năm

trên nguồn lực tự nhiên, đặc biệt là cá, cao su chế biến, đồ gỗ và thực phẩm chế biến (Bảng 1.) Từ giữa những năm 1990, các sản phẩm thâm dụng lao động, đáng chú ý là hàng dệt may, bắt đầu vượt qua các sản phẩm dựa trên nguồn lực tự nhiên. Sản xuất cấu kiện mới chỉ bắt đầu đạt được một số thành tựu trong hai năm vừa qua nhưng tỷ lệ của chúng vẫn nhỏ trong tổng giá trị xuất khẩu hàng chế biến.

Trong nhóm sản phẩm chế tạo chế biến dựa vào nguồn tài nguyên, xuất khẩu các thực phẩm chế biến, đặc biệt là sản phẩm cá, đã tăng với tốc độ nhanh hơn các mặt hàng khác. Trên cơ sở các nguồn lực tài nguyên trong nông nghiệp của Việt Nam và nhu cầu ngày một tăng của thế giới về thực phẩm biển, hoa quả, rau và thịt đóng hộp, chúng ta tin tưởng rằng Việt Nam có nhiều tiềm năng còn chưa được khai thác để mở rộng xuất khẩu hàng thực phẩm chế biến. Trong năm 1999, tổng giá trị của xuất khẩu hải sản của Thái Lan lên đến 7,1 tỷ và của Indônêxia là 4,0 tỷ USD, nhưng Việt Nam mới chỉ xuất khẩu được 900 triệu USD. Con số này đã tăng gần gấp đôi trong hai năm vừa qua và cho thấy rằng vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được tận dụng.

Bảng 1. Sự thay đổi cơ cấu xuất khẩu sản phẩm chế biến\*, 1985-2000

	<i>Tỉ trọng (%)</i>		<i>Tốc độ tăng trưởng (%)</i>		
	<b>1985</b>	<b>2000</b>	<b>1985-90</b>	<b>1990-95</b>	<b>95-2000</b>
1. Ngành chế biến dựa vào nguồn tài nguyên	74	17,6	21	23	5
2. Ngành chế tạo công nghệ thấp sử dụng nhiều lao động và sx các cấu kiện, công nghệ trung bình	21,7	77	34,3	102	20
3. Công nghệ cao, sử dụng nhiều vốn,	3,9	5,4	40	622	2,4
<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>23</b>	<b>67</b>	<b>14</b>

\* Phân loại theo mức thâm dụng nhân tố của việc sản xuất

Nguồn: Phụ lục: Hoạt động xuất khẩu và giá xuất khẩu của Việt Nam